

Số: 168/2025/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026; sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật; số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 696/TTr-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026; sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Văn bản số 669/HĐND-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật; Báo cáo thẩm tra số 739/BC-HĐND ngày

08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận, biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026; sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022.

Điều 1. Kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; cụ thể như sau:

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐND như sau:

“Điều 7. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp xã (phần ngân sách địa phương được hưởng)

1. Đối với tiền sử dụng đất:

a) Đối với đất đã giao cho các tổ chức, đơn vị, cơ quan nhà nước quản lý:

- Trên địa bàn các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 85%, ngân sách phường hưởng 15%.

- Trên địa bàn các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang): ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

- Trên địa bàn các xã còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 30%.

b) Đối với khu đất giao nhà đầu tư:

- Trên địa bàn các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách phường hưởng 10%.

- Trên địa bàn các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang): ngân sách cấp tỉnh hưởng 85%, ngân sách cấp xã hưởng 15%.

- Trên địa bàn các xã còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

c) Đối với hạ tầng tái định cư thuộc hạng mục bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án (bao gồm các lô đất dôi dư - nếu có):

- Các khu tái định cư đầu tư từ 100% nguồn ngân sách Trung ương, trái phiếu Chính phủ (bao gồm các hạ tầng do tỉnh ứng trước ngân sách thực hiện): ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

- Hạ tầng tái định cư được đầu tư từ nguồn vốn của dự án do cấp tỉnh quyết định đầu tư bằng 100% vốn ngân sách tỉnh (bao gồm nguồn vốn cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho cấp xã thực hiện) và các dự án nhà đầu tư: ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 30%.

- Hạ tầng tái định cư còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%, ngân sách cấp xã hưởng 70%.

d) Đối với các khu đất do nhà nước đầu tư mới hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất và hạ tầng khu đất để bố trí tái định cư không thuộc hạng mục bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án:

- Cấp tỉnh thực hiện (cấp tỉnh quyết định đầu tư hoặc bổ sung vốn cho cấp xã quyết định đầu tư):

- + Trên địa bàn các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách phường hưởng 10%.

- + Trên địa bàn các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang): ngân sách cấp tỉnh hưởng 85%, ngân sách cấp xã hưởng 15%.

- + Trên địa bàn các xã còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách cấp xã hưởng 20%.

- Cấp xã thực hiện (cấp xã quyết định đầu tư, không bao gồm các hạ tầng do cấp tỉnh bổ sung vốn cho cấp xã quyết định đầu tư):

- + Trên địa bàn các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 40%, ngân sách phường hưởng 60%.

- + Trên địa bàn các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang): ngân sách cấp tỉnh hưởng 30%, ngân sách cấp xã hưởng 70%.

- + Trên địa bàn các xã còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%.

đ) Đối với các nguồn thu tiền sử dụng đất còn lại:

- Trên địa bàn các phường: ngân sách cấp tỉnh hưởng 80%, ngân sách phường hưởng 20%.

- Trên địa bàn các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cầm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền,

Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang): ngân sách cấp tỉnh hưởng 70%, ngân sách cấp xã hưởng 30%.

- Trên địa bàn các xã Kỳ Lạc, Kỳ Thượng, Sơn Hồng, Kim Hoa, Mai Hoa, Thượng Đức, Hương Phố, Hương Đô, Hà Linh, Hương Bình, Phúc Trạch, Hương Xuân, Sơn Kim 1, Sơn Kim 2: ngân sách cấp tỉnh hưởng 20%, ngân sách cấp xã hưởng 80%.

- Trên địa bàn các xã còn lại: ngân sách cấp tỉnh hưởng 60%, ngân sách cấp xã hưởng 40%.

2. Thu tiền bán tài sản nhà nước (không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất gắn với tài sản trên đất):

a) Tài sản do cấp tỉnh quản lý: ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Tài sản do cấp xã quản lý: ngân sách cấp xã hưởng 100%.

3. Các khoản thu còn lại:

a) Đối với số giao cấp tỉnh thu và các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Trung ương nhưng giao tỉnh thu (Thuế tỉnh quản lý thu): ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%.

b) Đối với số giao cấp xã thu (Thuế cơ sở quản lý thu): ngân sách cấp tỉnh hưởng 50%, ngân sách cấp xã hưởng 50%”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 29. Chi quản lý hành chính

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định hiện hành theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

2. Bổ sung phần chênh lệch quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp do tăng mức lương cơ sở so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Xác định mức chi hoạt động quản lý hành chính: đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động quản lý hành chính 25%, chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định 75% theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

4. Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành.

5. Bổ sung kinh phí hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo quy định tại Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính: 10 triệu đồng/năm.

6. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí chi một số nhiệm vụ không thường xuyên theo quy định; kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và các nhiệm vụ khác theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 30. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao

1. Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã:

a) Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 350 triệu đồng/năm.

b) Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 450 triệu đồng/năm.

2. Bổ sung kinh phí thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo quy định tại Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”:

a) Kinh phí đảm bảo thực hiện cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 25 triệu đồng/xã, phường/năm.

b) Kinh phí hỗ trợ Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư:

- Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: 05 triệu đồng/khu dân cư/năm;

- Khu dân cư có quy mô dân số cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 01 triệu đồng/khu dân cư/năm.

3. Bổ sung kinh phí phát thanh cấp xã:

a) Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 90 triệu đồng/năm.

b) Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 120 triệu đồng/năm”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 31 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 31. Chi đảm bảo xã hội

1. Bổ sung thêm kinh phí cho cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về công tác cứu tế, đảm bảo xã hội khác, cụ thể:

a) Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 230 triệu đồng/năm.

b) Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 280 triệu đồng/năm.

2. Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành.

3. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách và các nhiệm vụ khác phù hợp với khả năng cân đối ngân sách”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 32. Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội

1. Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã:

a) Phường Thành Sen: 900 triệu.đồng/năm.

b) Phường Sông Trí: 700 triệu.đồng/năm.

c) Phường Vững Áng, Hải Ninh, Hoàn Sơn: 600 triệu.đồng/năm.

d) Các xã, phường còn lại:

- Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 370 triệu.đồng/năm.

- Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 440 triệu.đồng/năm.

2. Bổ sung cho xã biên giới đất liền: 130 triệu.đồng/năm.

3. Bổ trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ khác theo khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 33 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 33. Chi quốc phòng

1. Phân bổ theo đơn vị hành chính cấp xã:

a) Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 200 triệu.đồng/năm.

b) Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 250 triệu.đồng/năm.

2. Bổ sung cho xã biên giới đất liền: 130 triệu.đồng/năm.

3. Bổ sung kinh phí thực hiện Luật Dân quân tự vệ”.

7. Bổ sung điều 33a, 33b, 33c vào sau Điều 33 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 33a. Chi sự nghiệp giáo dục

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định hiện hành theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu.đồng).

2. Bổ sung phần chênh lệch quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp do tăng mức lương cơ sở so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Xác định mức chi cho hoạt động giảng dạy và học tập: đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động giảng dạy và học tập 19%, chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định 81% theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu.đồng).

4. Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành.

5. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách, hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất và thực hiện các nhiệm vụ khác theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 33b. Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định hiện hành theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

2. Bổ sung phần chênh lệch quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp do tăng mức lương cơ sở so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Xác định mức chi hoạt động sự nghiệp: đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động quản lý hành chính 20%, chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định 80% theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

4. Bổ sung kinh phí cho Trung tâm chính trị cấp xã thực hiện các nhiệm vụ đào tạo được giao: 700 triệu đồng/năm.

Điều 33c. Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Bổ sung kinh phí cho cấp xã để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 150 triệu đồng/năm.

2. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ khác theo khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 34 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 34. Chi sự nghiệp kinh tế

1. Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định hiện hành theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

2. Bổ sung phần chênh lệch quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp do tăng mức lương cơ sở so với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách.

3. Xác định mức chi hoạt động sự nghiệp: đảm bảo tỷ lệ chi hoạt động sự nghiệp 20%, chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quy định 80% theo mức lương cơ sở đầu thời kỳ ổn định ngân sách (1,49 triệu đồng).

4. Phân bổ 6% so với tổng chi thường xuyên các lĩnh vực tại Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 33a, Điều 33b, Điều 33c (loại trừ kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội, các đề án, chính sách và các nhiệm vụ trọng tâm được hỗ trợ theo quy định).

5. Bổ sung thêm kinh phí kiến thiết thị chính và các hoạt động kinh tế khác:

- a) Phường Thành Sen: 55 tỷ đồng/năm.
- b) Phường Sông Trí: 20 tỷ đồng/năm.
- c) Phường Hà Huy Tập, Trần Phú: 10 tỷ đồng/năm.
- d) Các phường còn lại: 05 tỷ đồng/năm.

đ) Các xã có trụ sở đặt tại trung tâm hành chính cấp huyện cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Tiên Điền, Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang): 03 tỷ đồng/năm.

e) Các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ, không bao gồm các xã tại điểm đ khoản 4 Điều này (Thiên Cẩm, Lộc Hà, Đồng Lộc, Nghi Xuân, Sơn Tây): 02 tỷ đồng/năm.

6. Định mức nêu trên đã bao gồm kinh phí thực hiện các dịch vụ công cộng như: chiếu sáng, chăm sóc cây xanh... và các nhiệm vụ khác theo quy định.

7. Bổ sung kinh phí thực hiện các chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành.

8. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ khác theo khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 35 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 35. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

1. Phường Thành Sen: 08 tỷ đồng/năm.

2. Phường Sông Trí: 04 tỷ đồng/năm.

3. Các phường còn lại; các xã được hình thành từ ít nhất 01 thị trấn cũ (Kỳ Anh, Cẩm Xuyên, Thiên Cẩm, Thạch Hà, Lộc Hà, Can Lộc, Đồng Lộc, Tiên Điền, Nghi Xuân, Đức Thọ, Hương Sơn, Sơn Tây, Hương Khê, Vũ Quang) và các xã có dân số tại thời điểm hợp nhất trên 30.000 người (Đức Thịnh, Cổ Đạm, Mai Phụ): 2,5 tỷ đồng/năm.

4. Các xã còn lại: 01 tỷ đồng/năm.

5. Định mức hỗ trợ nêu trên đã bao gồm kinh phí hỗ trợ xử lý rác thải, kinh phí vận chuyển và các nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác.

6. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí thực hiện các đề án, chính sách và thực hiện các nhiệm vụ khác theo khả năng cân đối ngân sách địa phương”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND như sau:

“Điều 36. Chi thường xuyên khác

1. Phân bổ 0,5% so với tổng chi thường xuyên các lĩnh vực tại Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 33a, Điều 33b, Điều 33c, Điều 34, Điều 35.

2. Phân bổ thêm cho cấp xã:

a) Các xã, phường sáp nhập từ 03 đơn vị cấp xã (cũ) trở xuống: 160 triệu đồng/năm.

b) Các xã, phường sáp nhập từ 04 đơn vị cấp xã (cũ) trở lên: 190 triệu đồng/năm.

3. Bố trí, hỗ trợ thêm kinh phí chi một số nhiệm vụ khác theo quy định, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Bãi bỏ các điều từ Điều 16 đến Điều 28 (thuộc Mục 2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cho cấp huyện) của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh ;

Bãi bỏ phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 149/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khoá XVIII, Kỳ họp thứ 34 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Cục Kiểm tra văn bản và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr: Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm CB - TH, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ, TH₂.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh